

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	34,000 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.0%	3.3%	8.2%

DT thuần	2024		
	4,094	YoY	▲ 97.0
	tỷ VNĐ		▲ 2.4%

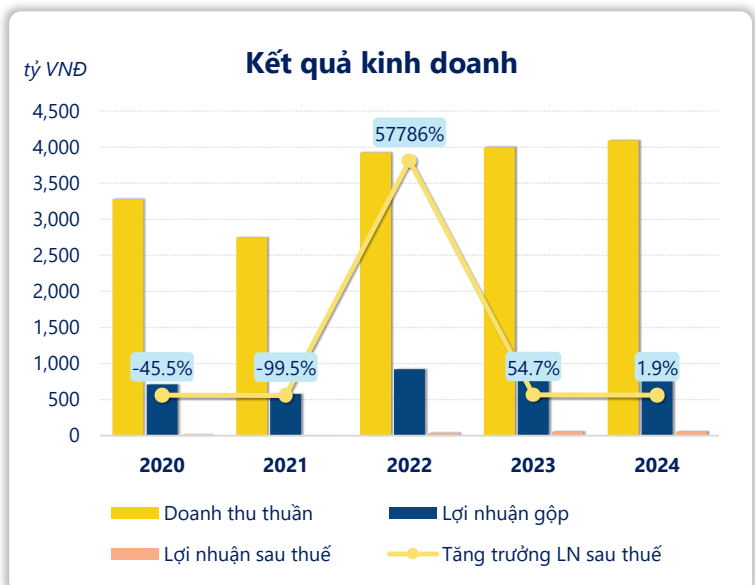
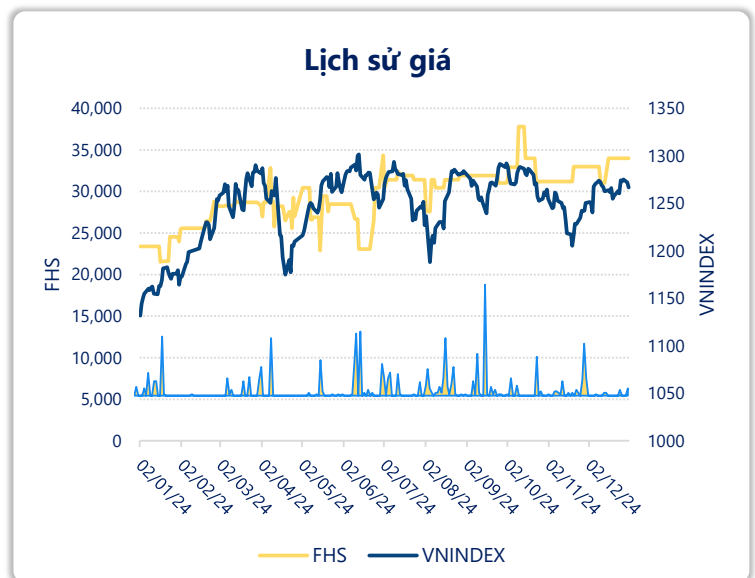
LN góp	2024		
	1,044	YoY	▲ 61.0
	tỷ VNĐ		▲ 6.2%

LN thuần	2024		
	70.7	YoY	▲ 2.60
	tỷ VNĐ		▲ 3.8%

LN sau thuế	2024		
	57.7	YoY	▲ 1.10
	tỷ VNĐ		▲ 1.9%

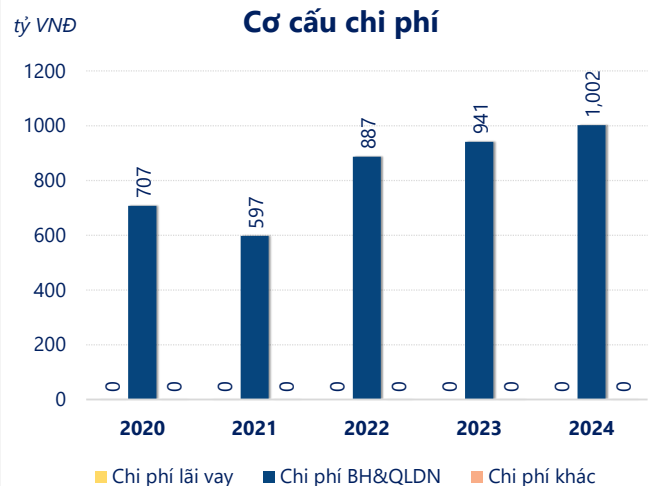
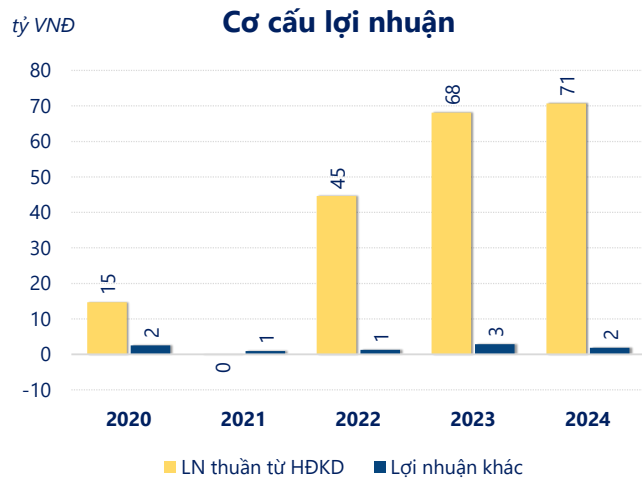
ROE	2024		
	27.0%	+/- YoY	▼ 2.8%

ROA	2024		
	3.9%	+/- YoY	▼ 0.2%



Năm **2024**, FHS ghi nhận doanh thu thuần **4,094** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **57.69** tỷ đồng, lần lượt **tăng 2.42%** và **tăng 1.90%** so với năm trước.

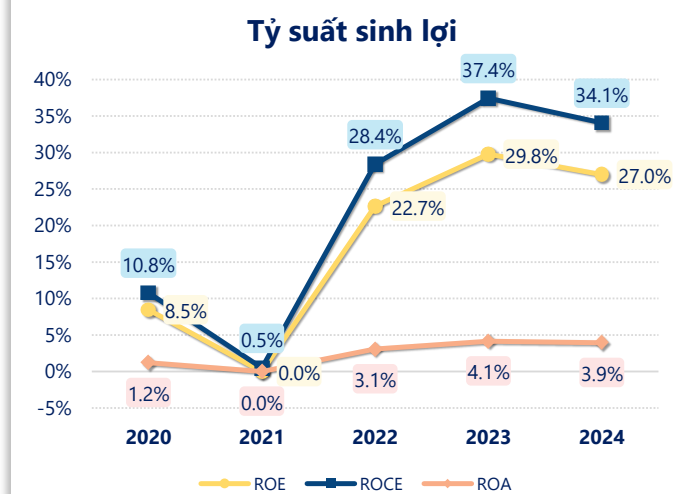
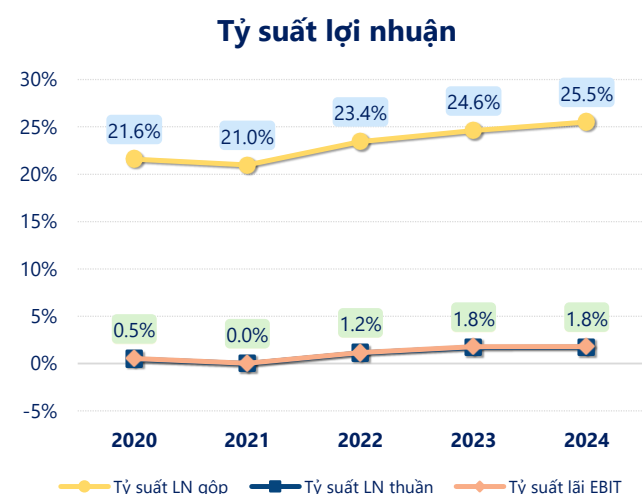
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **27.0%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.



Năm **2024**, FHS có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **70.67** tỷ đồng, **tăng lên 2.61** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (39.56 tỷ đồng) là 31.11 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **1,002** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.01** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của FHS năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **27.0%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



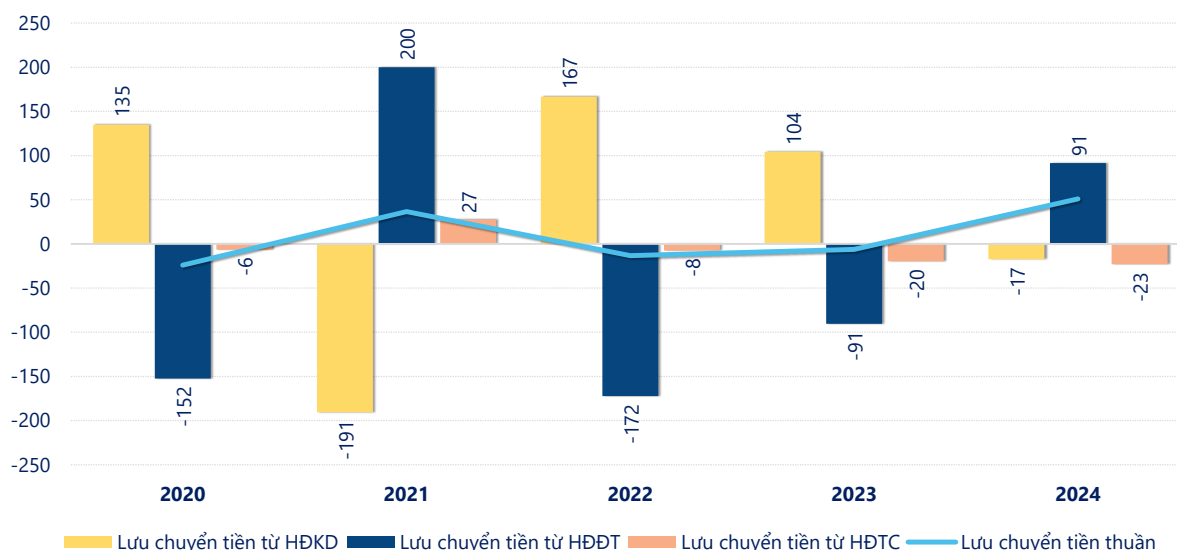
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	3,281	2,749	3,924	3,997	4,094
Giá vốn hàng bán	2,573	2,172	3,004	3,014	3,049
Lợi nhuận gộp	709	577	920	983	1,044
Doanh thu HĐTC	13.8	20.3	11.8	26.4	28.1
Chi phí TC	0.22	0.14	0.23	0.25	0.27
Chi phí lãi vay	0.09	0.02	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	633	536	792	848	896
Chi phí QLDN	74.5	60.7	95.0	93.4	105
LN thuần từ HĐKD	14.7	-0.18	44.6	68.1	70.7
Lợi nhuận khác	2.48	0.90	1.24	2.88	1.85
LN trước thuế	17.2	0.71	45.8	70.9	72.5
Lợi nhuận sau thuế	13.8	0.06	36.6	56.6	57.7
LNST của CĐ cty mẹ	13.5	-0.02	36.5	56.3	57.3

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của FHS bằng **50.97** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-6.06 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-17.33** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **91.42** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-23.12** tỷ đồng.